

MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Ngày 26/04/2016, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (SGDCK Tp.HCM) đã cấp Quyết định Niêm yết số 175/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A trên SGDCK Tp.HCM. Theo dự kiến ngày 27/05/2016, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A sẽ chính thức giao dịch trên SGDCK Tp.HCM với mã chứng khoán là S4A với giá tham chiếu là 15.000 đồng/cổ phiếu và biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên là +/-20%.

Để giúp quý độc giả có thêm thông tin, SGDCK Tp.HCM xin giới thiệu một số nét chính về lịch sử thành lập, quá trình hoạt động và những kết quả kinh doanh đáng chú ý của Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A trong thời gian qua.

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY:

Tên Công ty: Công ty cổ phần Thủy điện Sê San 4A

Tên tiếng Anh: **SESAN 4A HYDROELECTRIC JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **SHJC**

Trụ sở chính: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Điện thoại: (84.59) 3756096 Fax: (84.59) 3756097

Website: www.sesan4a.com.vn

Công ty Cổ phần Thủy Điện Sê San 4A hoạt động kinh doanh chính là đầu tư xây dựng và vận hành Nhà máy Thủy điện Sê San 4A. Nhà máy Thủy điện Sê San 4A xây dựng tại xã IaO, huyện Iagrai, tỉnh Gia Lai, được khởi công vào đầu năm 2008, hoàn thành vào cuối năm 2011 với tổng vốn đầu tư gần 1.500 tỷ đồng. Đây là công trình thủy điện nằm ở bậc thang cuối cùng trên hệ thống sông Sê San, gồm 03 tổ máy với tổng công suất 63 MW, điện lượng trung bình hàng năm đạt 331,2 triệu kWh. Nhà máy Thủy điện Sê San 4A được xem là một trong những dự án thủy điện có mức đầu tư, công suất lớn nhất ở Việt Nam sử dụng công nghệ tuabin capsun (Dạng bóng đèn) cho đến thời điểm hiện tại do tư nhân đầu tư xây dựng, góp vốn với hình thức công ty cổ phần. Dự án cũng có mức đầu tư rất thấp, khoảng 24 tỷ đồng/MW.

Chính thức đi vào vận hành từ cuối năm 2011, đến nay Nhà máy Thủy điện Sê San 4A đã cung cấp cho hệ thống điện quốc gia hơn 1 tỷ kWh, góp phần khắc phục tình trạng thiếu hụt điện của hệ thống điện quốc gia, góp phần vào ổn định Kinh tế - Xã hội của tỉnh Gia Lai nói riêng cũng như khu vực Tây Nguyên nói chung.

• Các lĩnh vực kinh doanh chính:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 5900413305 (số cũ 3903000124) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 15/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/12/2013 thì ngành nghề kinh doanh của công ty gồm:

- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành nhà máy thủy điện, Xây dựng công trình công nghiệp, Xây dựng đường dây và trạm biến thế
- ✓ Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng
- ✓ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông
- ✓ Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng
- ✓ Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng
- ✓ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất điện; truyền tải điện
- ✓ Phân phối và kinh doanh điện năng;

- ✓ Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, thử nghiệm nhà máy thủy điện, lưới điện
- ✓ Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động ngành nghề này khi đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)
- ✓ Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hỗ trợ, hướng dẫn vận hành, quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy thủy điện
- ✓ Khai thác đá, cát sỏi, đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (tận dụng từ việc đầu tư xây dựng công trình thủy điện)

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh 2013-2015

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng (giảm) 2014/2013	Năm 2015	% tăng (giảm) 2015/2014
Tổng Tài sản	1.363.078.987	1.318.426.389	-3,28 %	1.286.460.205	-2,42%
Vốn chủ sở hữu	441.655.592	426.680.710	-3,39 %	456.587.083	7,01%
DT thuần	265.850.178	279.518.781	5,14%	228.586.567	-18,22%
LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	190.910.225	193.523.259	1,37%	140.391.094	-27,46%
Lợi nhuận từ HĐKD	67.637.445	92.528.350	36,80 %	23.711.003	-74,37%
Tỷ suất LN gộp	72%	69%	-3,59%	61%	-10,99%
Lợi nhuận khác	40.527	-1.826.324	-	288.151	-115,78%
LNTT	67.677.973	90.702.026	34,02 %	23.999.154	-73,54%
LNST	67.650.341	90.702.026	34,07 %	22.695.490	-74,98%
Tỷ lệ LNST trả cổ tức	93,57%	93,05%	-0,56%	93,97% ^(*)	-0,09%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và 2015 của CTCP Thủy Điện Sê San 4A

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2014 có sự tăng trưởng tích cực so với 2013 do các nguyên nhân sau:

- Trong năm 2014, Công ty đã làm việc với Ngân hàng tài trợ vốn BIDV đề nghị giảm lãi suất vay của hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã điều chỉnh giảm lãi suất hai lần trong năm 2014, lãi suất vay hiện nay đang áp dụng là 6,5%/ năm với khoản vay USD và 9,5%/năm đối với khoản vay VNĐ.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện trong năm 2014 gặp nhiều thuận lợi, tình hình khí tượng thủy văn ở khu vực Tây Nguyên lượng mưa đều trong các tháng, dẫn đến lượng nước về hồ ổn định, sản lượng điện thương phẩm sản xuất vượt kế hoạch hơn 5% trong năm.

- Thực hiện điều tiết tốt lưu lượng nước về hồ trong mùa khô để nâng cao hiệu quả vận hành, do đó doanh thu và giá bán điện bình quân tăng hơn 5% so với giá điện bình quân của hợp đồng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh điện 2015 gặp nhiều khó khăn, kết quả chưa đạt được theo kế hoạch được ĐHCĐ thông qua với các nguyên nhân chính sau:

- Về sản lượng: Do ảnh hưởng của hiện tượng thời tiết El Nino nên tình hình khí tượng thủy văn ở khu vực Tây Nguyên lượng mưa giảm từ 30% đến 40% so với lượng mưa trung bình nhiều năm dẫn đến lượng nước về hồ Sê San giảm tương ứng, sản lượng điện sản xuất năm 2015 của Nhà máy có sự giảm nhẹ so với cùng kỳ, đạt 283,48 triệu kWh, đạt 87,44% kế hoạch sản

lượng điện năm 2015 (324,2 triệu kWh). Theo đó, doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2015 đạt lần lượt 228,59 tỷ đồng và 22,69 tỷ đồng hoàn thành 86,88% và 35,09% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận 2015.

- Về chi phí: Do khoản dư nợ vay bằng USD với số dư đầu kỳ là 30.230.000 USD, trong năm 2015 do tỷ giá biến động tỷ giá tăng đột biến hơn 5% nên Công ty phải chịu khoản lỗ chi phí chênh lệch tỷ giá cuối kỳ chưa thực hiện là 31.876.810.000 đ (Công ty đã dùng khoản chi phí để trả nợ trước hạn khoản 1.500.000 USD). Về các chi phí khác không có biến động lớn tăng giảm nằm trong phạm vi + 5% so với kế hoạch.

- Giá bán điện chưa được bù tỷ giá theo quy định của Bộ Công thương.

2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	Lần	1,01	1,46	1,50
Hệ số thanh toán nhanh =(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,87	1,29	1,48
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,70	0,68	0,65
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	2,31	2,09	1,82
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ	Vòng	7,88	7,03	13,83
Vòng quay tổng tài sản =DTT/Tổng tài sản BQ	vòng	0,20	0,21	0,18
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số LNST/DTT	%	25	32	10
Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu BQ	%	16	21	5
Hệ số LNST/tổng tài sản BQ	%	5	7	2
Hệ số LN từ HĐKD/ DTT	%	25	33	10
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	1.603	2.149	538

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và 2015 của CTCP Thủy Điện Sê San 4A

- Các hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Sê San 4A được duy trì ổn định và an toàn qua các năm, đảm bảo yêu cầu doanh nghiệp hoàn thành được nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn, cụ thể: trong năm 2015, hệ số thanh toán nhanh và ngắn hạn lần lượt đạt 1,48 và 1,50 lần, duy trì ở mức ổn định lớn hơn 1.

- Hệ số cơ cấu vốn: Tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản 2015 của Công ty là 0,65. Toàn bộ khoản vay của Công ty đều vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam từ năm 2008 để tài trợ cho Dự án Nhà máy Thủy điện Sê San 4A.

- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Trong năm 2015, kết quả kinh doanh gặp nhiều bất lợi nên các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi có sự suy giảm so với giai đoạn trước đó. Cụ thể: các chỉ tiêu về hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản và Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu trong năm 2015 đạt lần lượt 2% và 5%, thấp hơn mức 7% và 21% tương ứng của năm 2014.

3. Sản lượng sản phẩm qua các năm:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	% tăng (giảm) 2015 so với 2014
Sản lượng điện	kWh	334.140.000	348.961.000	282.960.000	-18,91%

thương phẩm					
Doanh thu theo sản phẩm	Triệu đồng	265.850	279.519	228.587	-18,22%
Giá vốn theo sản phẩm	Triệu đồng	74.940	85.996	88.195	2,56%

Nguồn: CTCP Thủy Điện Sê San 4A

Trong năm 2014, hoạt động sản xuất kinh doanh điện gặp nhiều thuận lợi, tình hình khí tượng thủy văn ở khu vực Tây Nguyên lượng mưa đều trong các tháng mùa mưa dẫn đến lượng nước về hồ Sê San 4A ổn định, do đó sản lượng điện thương phẩm và doanh thu của Công ty cải thiện đáng kể.

Tuy nhiên, bước sang năm 2015 khí hậu và thủy văn lại có những biến đổi phức tạp do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino nên mùa mưa đến chậm, lượng mưa trên khu vực miền Trung và Tây Nguyên giảm trầm trọng, lưu lượng nước không đảm bảo để phát điện dẫn đến sản lượng điện sản xuất trong năm 2015 giảm nhẹ so với cùng kỳ, cụ thể tổng sản lượng sản xuất đạt 282,96 triệu kWh bằng 85% sản lượng thiết kế và giảm 18,91% so với mức sản xuất trong năm 2014. Theo đó, mức doanh thu trong năm 2015 cũng biến động giảm 18,22%, trong khi giá vốn lại tăng nhẹ 2,56%.

4. Nguyên liệu đầu vào

Việc sản xuất thủy điện phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình thời tiết, cụ thể là lượng mưa hằng năm trên lưu vực sông Sê San, đặc biệt khí hậu Tây Nguyên được chia làm 2 mùa riêng biệt mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Do vậy, để khắc phục tính chất thời vụ của thời tiết nhằm đảm bảo kế hoạch sản lượng: trong mùa mưa lượng nước về hồ chứa nhiều, Nhà máy vận hành hết công suất của ba tổ máy, để đảm bảo phát điện và đồng thời phòng ngừa lũ lụt theo quy định vận hành liên hồ chứa trên dòng sông Sê San nhà máy bắt buộc phải xả tràn. Còn về mùa khô, Nhà máy duy trì phát điện theo quy trình điều tiết hồ chứa. Do hồ chứa của Sê San 4A nhỏ chỉ điều tiết ngày nên hoạt động sản xuất điện còn phụ thuộc vào sự hoạt động của các nhà máy thủy điện trên thượng nguồn. Với hệ thống các hồ chứa của các Nhà máy thủy điện nằm phía trên thượng nguồn: như thủy điện Thượng Kon Tum trên nhánh Đăk Bla: 145 triệu m³; Plei Krông trên nhánh Krông PôKô: 948 triệu m³; Yaly: 779 triệu m³; Sê San 3: 92 triệu m³; Sê San 3A: 80,6 triệu m³; Sê San 4: 893 triệu m³ có dung tích lớn nên sẽ luôn đảm bảo cho Nhà máy thủy điện Sê San 4A đủ nước phát điện khi các Nhà máy trên thượng nguồn phát điện.

Nhà máy Thủy điện Sê San hiện có 03 tổ máy, tùy thuộc vào tình hình lưu lượng nước về hồ mà Nhà máy có thể phát điện một số hoặc toàn bộ các tổ máy. Việc duy tu, sửa chữa máy móc thiết bị luôn được thực hiện định kỳ, đảm bảo máy móc thiết bị luôn trong tình trạng bảo dưỡng tốt nhất, sẵn sàng cho việc chạy máy khi lưu lượng nước về hồ ổn định.

5. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	481.232	0,57	163.508	0,18	6.920.863	7,33
Chi phí nhân công	7.228.517	8,63	8.781.947	9,74	7.455.752	7,90
Chi phí khấu hao TSCĐ	49.287.367	58,82	49.023.243	54,36	48.960.469	51,89
Chi phí dịch vụ mua ngoài	395.723	0,47	885.395	0,98	1.647.123	1,74

Chi phí dự phòng	-	-	-	-	405.833	0,43
Chi phí khác bằng tiền	26.405.421	31,51	31.333.302	34,74	28.968.858	30,70
Tổng cộng	83.798.260	100	90.187.395	100	94.358.898	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và 2015 của CTCP Thủy Điện Sê San 4A

Với đặc tính hoạt động của nhà máy thủy điện, chi phí cấu thành chủ yếu trong tổng chi phí hàng năm là chi phí khấu hao tài sản cố định do đầu tư xây dựng và chi phí máy móc thiết bị cao, chiếm bình quân 50% - 60% cơ cấu chi phí sản xuất.

Chi phí lớn thứ hai đối với Công ty, chủ yếu là các khoản chi phí lãi vay, chi phí bù trượt tỷ giá hàng năm, ...

Chi phí nhân công là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng tương đối cao trong cơ cấu chi phí của Sê san 4A. Khoản mục chi phí này lần lượt chiếm 8,63%, 9,74% và 7,90% cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013, 2014 và 2015.

Các khoản chi phí còn lại chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, đặc biệt là chi phí nguyên liệu không đáng kể do nguồn nguyên liệu đầu vào chủ yếu là nguồn nước thiên nhiên. Tuy nhiên, trong năm 2015, Công ty thực hiện đầu tư thay thế thiết bị tại Nhà máy thủy điện nên khoản mục chi phí nguyên vật liệu trong kỳ có sự gia tăng đột biến so với các kỳ trước.

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Giá vốn hàng bán	74.939.952	28,19	85.995.522	30,77	88.195.473	38,58
Chi phí quản lý	9.474.597	3,56	5.001.539	1,79	6.613.425	2,89
Chi phí tài chính	115.323.720	43,38	98.279.280	35,16	114.492.940	50,09
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>89.039.945</i>	<i>33,49</i>	<i>72.784.271</i>	<i>26,04</i>	<i>63.983.378</i>	<i>27,99</i>
Chi phí khác	109.473	0,04	2.382.065	0,85	717.335	0,31
Tổng cộng	199.847.742	75,17	191.658.406	68,57	210.019.173	91,88
Doanh thu thuần (DTT)	265.850.178	100	279.518.781	100	228.586.567	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và 2015 của CTCP Thủy Điện Sê San 4A

Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng nhiều nhất trên doanh thu thuần của Công ty qua các năm. Cụ thể, chi phí tài chính lần lượt chiếm 43,38% và 35,16% trên doanh thu thuần trong năm 2013, 2014 và tăng lên mức 50,09% trong năm 2015, nguyên nhân chính là do Công ty sử dụng các khoản vay ngoại tệ để đầu tư vào Nhà máy thủy điện do đó biến động tỷ giá trong năm 2015 đã phát sinh tăng đột biến khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm giá trị khoảng hơn 33 tỷ đồng.

Chi phí giá vốn hàng bán: có xu hướng tăng với năm 2013 là 28,19%, năm 2014 là 30,77% và năm 2015 là 38,58%, nguyên nhân do mức Thuế suất thuế Tài nguyên nước tăng từ 2% lên 4% theo Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH, có hiệu lực áp dụng từ tháng 2 năm 2014.

Chi phí quản lý và chi phí khác chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng doanh thu. Đặc biệt là chi phí quản lý đang có xu hướng giảm từ mức 3,56% tổng doanh thu thuần năm 2013 còn lần lượt ổn định ở mức 1,79% và 2,89% trong năm 2014, 2015 thể hiện công tác quản lý chi phí văn phòng và nhà máy của Công ty đang dần hiệu quả qua các năm.

Ngoài ra, sản phẩm điện đầu ra của Công ty luôn được đảm bảo bằng hợp đồng dài hạn với Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), do đó toàn bộ doanh thu của Công ty thu được từ hoạt động bán điện nên không phát sinh chi phí bán hàng.

III. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH VÀ TRIỂN VỌNG CỦA NGÀNH:

1. Vị thế của Công ty trong ngành

Xét về mặt công suất: Sê San 4A là một trong 6 nhà máy thủy điện được xây dựng trên sông Sê San. Nhà máy thủy điện Sê San 4A gồm 3 tổ máy với tổng công suất đặt là 63MW. So với các nhà máy thủy điện trên toàn quốc thì Sê San 4A xếp thứ 17 trong Nhóm 2 (nhóm các nhà máy thủy điện có công suất từ 50MW tới 100MW). Đồng thời, so với các nhà máy thủy điện khác tại khu vực Tây Nguyên, công suất của Sê San 4A nằm trong nhóm có công suất thấp.

Xét về mặt công nghệ: Ba tổ máy của Nhà máy thủy điện Sê San 4A có đặc thù cột nước thấp, sử dụng tua bin thuộc loại capsun, là loại tua bin đầu tiên được lắp đặt tại Việt Nam.

Từ khi hòa mạng lưới điện quốc gia tới nay, Sê San 4A luôn hoạt động hết công suất. Kết quả hoạt động kinh doanh của Sê San 4A luôn thu được lợi nhuận cao, đưa lại giá trị cho công ty và các cổ đông.

Đối với Nhà máy Thủy điện Sê San 4A, sản lượng điện sản xuất hằng năm phụ thuộc hoàn toàn vào chế độ thủy văn và yếu tố thiết bị. Tuy nhiên, nếu so sánh với các nhà máy có cùng công suất thì Nhà máy Thủy điện Sê San 4A có thuận lợi là điện phát ra được đầu nối vào đường dây 220kV, có thể truyền tải ra Bắc hay vào Nam đều được.

2. Triển vọng phát triển của ngành

Nhu cầu sử dụng điện của Việt Nam vẫn đang có xu hướng tăng nhanh, dự tính trung bình hơn 10% một năm trong những năm tiếp theo. Tình trạng mất điện vẫn xảy ra cho thấy nhu cầu đối với sản phẩm này vẫn đang lớn hơn khả năng sản xuất trong nước và ngành Điện đang là một trong những ngành được khuyến khích hỗ trợ của Chính phủ. Trong những năm tới, bảng giá điện được phê duyệt tăng thêm sẽ tạo ra thuận lợi lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh cho các công ty trong ngành năng lượng Điện.

Tiêu thụ điện trung bình của Việt Nam khoảng 1.300 kWh / bình quân đầu người, thấp hơn so với các nước trong khu vực và có nhiều tiềm năng phát triển. Trong đó, miền Nam thường có nhu cầu sử dụng điện cao hơn các khu vực khác, chiếm khoảng 50% tổng nhu cầu điện cả nước do nhu cầu điện cho công nghiệp và kinh doanh cao hơn.

Giai đoạn 2014 – 2015, ngành điện Việt Nam vẫn tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định. Cụ thể, trong năm 2014 và 11 tháng đầu năm 2015 sản lượng điện sản xuất và mua ngoài của EVN đạt lần lượt 146,49 tỷ kWh và 142,5 tỷ kWh. Tuy nhiên, nguồn điện được phân bổ không đồng đều, nguồn điện tại chỗ của miền Nam tiếp tục thiếu, hệ thống điện phải tải điện từ miền Bắc và miền Trung, tăng thêm chi phí chuyên tải. Dự đoán trong những năm tới, với sự mở cửa thị trường, Việt Nam nói chung và miền Nam nói riêng sẽ thu hút thêm nhiều dự án đầu tư mới, đồng thời làm tăng thêm nhu cầu về sử dụng điện.

IV. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NĂM 2016-2017

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Kế hoạch	% tăng (giảm)/ TH 2015	Kế hoạch	% tăng (giảm)/ KH 2016
DTT (triệu đồng)	228.945	0,16%	266.992	16,62%
LNST (triệu đồng)	45.723	101,47%	79.157	73,12%
Vốn điều lệ (triệu đồng)	422.000	-	422.000	-
Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	464.000	0,65%	467.000	0,65%
Tỷ lệ LNST/DTT	19,97%	101,15%	29,65%	48,45%
Tỷ lệ LNST/Vốn CSH bình quân	10,44%	103,11%	17,00%	62,84%

Cổ tức	10,83%	116,60%	18,76%	73,22%
--------	--------	---------	--------	--------

Nguồn: CTCP Thủy Điện Sê San 4A

Căn cứ xây dựng kế hoạch năm 2016

Năm 2016 được đánh giá là một năm đầy khó khăn thách thức với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty bị tác động bởi 02 yếu tố chính có khả năng ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty:

- Về sản xuất điện năng, do ảnh hưởng của hiện tượng thời tiết El Nino nên tình hình khí tượng thủy văn ở khu vực Tây Nguyên lượng mưa trong năm 2015 giảm 30 đến 40% lượng mưa trung bình nhiều năm do đó lượng nước trên các hồ chứa trên dòng sông Sê San giảm, dự báo hiện tượng El Nino sẽ còn kéo dài đến hết mùa khô năm 2016, do đó lưu lượng nước về hồ tiếp tục giảm dẫn đến 06 tháng đầu năm 2016 Nhà máy thủy điện Sê San 4A chỉ duy trì phát điện được 01 tổ máy, nên việc sản xuất điện sẽ tập trung vào các tháng cuối năm. Do đó, sản lượng điện sản xuất trong năm dự kiến tương đương sản lượng của năm 2015 và bằng 85% công suất thiết kế. Theo đó, mức sản lượng điện sản xuất và doanh thu tương đương 2015.

- Năm 2016 mặc dù sản lượng và doanh thu tương đương năm 2015 nhưng mức Chi phí tài chính sẽ biến động giảm do các nguyên nhân:

- Lãi vay giảm do dư nợ gốc giảm;
- Chi phí chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư đã phân bổ xong trong năm 2015 (giá trị khoảng 16,4 tỷ đồng) do đó trong năm 2016 sẽ không phát sinh thêm khoản mục chi phí này;
- Do tình hình dư nợ vay bằng đồng USD của Sê San 4A tại Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Gia Lai đến tại thời điểm 31/12/2015 là 26,73 triệu USD với tình hình biến động tỷ giá tăng đột biến như trong năm 2015 là 5,23% và dự báo năm 2016 là khoảng 5%, do đó yếu tố tỷ giá các chi phí tài chính liên quan đến biến động tỷ giá cũng sẽ tương đương 2015 .

Căn cứ XD kế hoạch năm 2017:

- Về sản lượng: Sản lượng điện thiết kế của Công ty là sản lượng bình quân hàng năm được đơn vị Tư vấn thiết kế tính toán dựa trên tính toán thủy văn nhiều năm trên lưu vực của Sông Sê San, đây là cơ sở để Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2017. Nếu không có hiện tượng bất thường thì đây là con số rất khả quan vì trong các năm 2012, 2013, 2014 sản lượng điện đều vượt con số này, cụ thể: 2012: 373,8 triệu KWh; 2013: 344,1 triệu kWh và năm 2014 là 348,9 triệu kWh, năm 2015 sản lượng giảm là do hiện tượng bất thường của thời tiết.

- Về chi phí: Chi phí biến động giảm chủ yếu là do chi phí lãi vay giảm vì giảm dư nợ gốc do đó chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tăng gấp 2 lần so với năm 2016.

Biện pháp thực hiện:

Để đảm bảo đảm hoàn thành theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra, Công ty đã đề ra các biện pháp khắc phục các khó khăn, phát huy tối đa năng lực sản xuất để hoàn thành kế hoạch đề ra cho giai đoạn 2016 – 2017, cụ thể như sau:

- Về quản lý vận hành sản xuất điện:
 - Thuê đơn vị ngoài thực hiện duy tu, sửa chữa thiết bị các tháng mùa khô theo đúng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ được HĐQT thông qua.
 - Trong mùa khô khai thác tối đa nguồn nước về hồ để chạy máy phát điện với công suất tối đa để tăng hiệu quả vận hành, về mùa mưa kết hợp với các đơn vị bậc thang phía trên để tận dụng nguồn về hồ nhằm phát điện hết công suất của tổ máy.
 - Xây dựng kế hoạch vận hành, khoa học, hiệu quả, tiết kiệm giảm lượng điện tự dùng nhà máy đến mức thấp nằm trong khoảng 0,8 – 1,0%.
- Đối với công tác điều hành sản xuất kinh doanh:

- Duy trì mối quan hệ tốt với các đơn vị Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia Ao để vận hành sản lượng đạt kế hoạch đã được duyệt, với Công ty Mua bán điện để thu hồi công nợ tiền điện hằng tháng kịp thời đáp ứng nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng, hoàn thiện bộ máy quản lý, điều hành Công ty theo quy định quản trị công ty đại chúng để tăng hiệu quả điều hành sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí.
- Thực hiện công tác bảo dưỡng thiết bị thường xuyên tại Nhà máy, mua sắm vật tư, thiết bị dự phòng đáp ứng nhu cầu vận hành, giảm lượng hàng tồn kho, dự phòng thấp nhất.

V. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY:

Bên cạnh những rủi ro về kinh tế, rủi ro về luật pháp nói chung,.. Công ty còn có những rủi ro đặc thù có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh như sau:

Rủi ro về thời tiết: Nguyên liệu chính của ngành thủy điện là nguồn nước thiên nhiên nên rủi ro này hoàn toàn phụ thuộc vào điều kiện thời tiết ở Việt Nam. Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm, làm lượng tích nước trong hồ thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngược lại, các thiên tai như lũ quét và mưa lớn sẽ gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Rủi ro về nguồn năng lượng thay thế: Nguồn sản xuất điện hiện nay của nước ta chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng điện của cả nước, đòi hỏi bổ sung thêm các nguồn năng lượng thay thế khác. Trường hợp các nguồn năng lượng thay thế như các dự án về phong điện và điện mặt trời hoạt động hiệu quả và giảm được đáng kể chi phí so với các nguồn cung hiện tại thì đây là một mối đe dọa với ngành thủy điện trong tương lai.

Rủi ro việc độc quyền phân phối điện: Hiện nay, EVN có vị thế độc quyền hoàn toàn trong ngành điện, có chức năng sản xuất, truyền tải và phân phối điện cho cả nước. Do đó, các công ty thủy điện gặp nhiều khó khăn trong việc đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán điện từ các nguồn điện mới ngoài EVN. Giá bán điện phụ thuộc vào quyết định Bộ Công thương và Tập đoàn EVN, các nhà máy không được điều chỉnh tăng giá điện hàng năm theo cơ chế thị trường, việc này dẫn đến xuất hiện nguy cơ giá EVN đề xuất thấp hơn mức mong đợi hoặc không bù đắp được chi phí đầu tư và lãi vay của Công ty.

Rủi ro về tỷ giá: Rủi ro tỷ giá hối đoái chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngoại tệ (USD) đầu tư vào Nhà máy Thủy điện Sê San 4A từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có thể gây ảnh hưởng đến dòng tiền của đơn vị. Để giảm thiểu tác động của rủi ro này, Công ty sử dụng các biện pháp như: tối ưu hoá thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản. Bên cạnh đó rủi ro về tỷ giá trong cơ cấu giá thành bán điện chưa có lộ trình thanh toán rõ ràng mặc dù các văn bản về cơ chế chính sách đã được ban hành như Thông tư 41/2010/TT-BCT ngày 14/12/2010, và chuyển tiếp là Thông tư 56/2014/TT-BCT, ngày 19/12/2014. Đối với Dự án thủy điện Sê San 4A là dự án dùng công nghệ tuabin capsun trục ngang đầu tiên tại Việt Nam nên chi phí thiết bị nhập khẩu tương đối cao so với các loại hình tuabin khác. Do đó, Công ty phải vay một lượng lớn ngoại tệ (USD) để mua thiết bị. Nếu không được thanh toán bù tỷ giá trong giá bán điện vào thời gian tới thì đây là một rủi ro lớn về chi phí bù trượt tỷ giá hàng năm của Công ty khi tỷ giá có sự biến động.